

# ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP - BIỂU TƯỢNG HÒA BÌNH, LÒNG VỊ THA CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

*Th.S Ngô Thị Minh Hằng<sup>1</sup>*

*Cách mạng tháng Tám của nhân dân Việt Nam thành công, nhưng với âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa, thực dân Pháp đã buộc nhân dân ta phải đứng lên cầm súng bảo vệ độc lập tự do của dân tộc. Điều tưởng như phi lý là chính từ trong cuộc kháng chiến khốc liệt bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc, chủ nghĩa yêu nước, tư tưởng yêu hòa bình, lòng vị tha của người Việt Nam lại thể hiện đậm nét hơn bao giờ hết. Tinh thần đó được kết tinh và biểu hiện rõ nhất trong con người của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.*

1. Chiến thắng của chiến dịch Điện Biên Phủ là chiến thắng của sức mạnh toàn dân, sức mạnh của truyền thống văn hoá dân tộc chống lại dã tâm của xâm lược chế độ thực dân và đế quốc. Ngoài truyền thống yêu nước, trong truyền thống văn hóa Việt Nam còn có các truyền thống như lòng nhân ái, vị tha... Những truyền thống văn hóa đó đã làm nên sức mạnh chiến thắng của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ.

Do có vị trí địa - chính trị, địa - văn hoá đặc biệt quan trọng, nằm giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo, là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hoá giữa các nước trong khu vực và thế giới nên từ rất sớm Việt Nam luôn bị các thế lực bên ngoài nhòm ngó và xâm chiếm. Mặc dù chúng ta yêu hoà bình, căm ghét chiến tranh, nhưng khi bị quân thù xâm lược, dân tộc Việt Nam buộc phải đứng lên chống lại kẻ thù, dù kẻ thù đó lớn hay nhỏ. Đúng như lời bài hát của nhạc sỹ Phạm Minh Tuyên: “Mặc dù đời ta thích hoa hồng, kẻ thù buộc ta ôm cây súng, ta yêu sao làng quê non nước mình, lời quê hương vút thành thanh âm khúc quân hành ca...”<sup>2</sup>.

Yêu chuộng hòa bình là một truyền thống văn hoá dân tộc được thể hiện rất rõ trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Do muốn hoà hiếu mà An Dương Vương đã cả tin nhận tin cầu hoà, gả con gái My Châu cho con trai của tướng giặc. Sau khi đánh bại quân Tống trên phòng tuyến sông Cầu, Lý Thường Kiệt đã không đánh tiếp, mà đã dừng lại chủ động đặt vấn đề điều đình, mở lối cho địch rút lui trong danh dự, để “không nhọc tướng tá, khỏi tổn máu mủ mà vẫn bảo tồn được tông miếu”<sup>3</sup>. Tướng giặc Quách Quỳ như sắp chết đuối vớ

---

<sup>1</sup> Khoa Cơ bản, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>2</sup>Diệp Minh Tuyên, Hát mãi khúc quân hành ca.

<sup>3</sup>Hoàng Xuân Hãn, 1995, Lý Thường Kiệt, trang 21

được cọc, vôi vàng nhận “giảng hoà” để rút quân về nước<sup>4</sup>. Trong kháng chiến chống quân Minh, sau khi đánh tan quân địch ở ải Chi Lăng năm 1427, Lê Lợi chấp nhận cho Vương Thông “giảng hoà” rút quân về nước. Ta còn cấp lương thực cùng thuyền, ngựa cho chúng đi đường. Tinh thần hiếu hoà và lòng độ lượng này được Nguyễn Trãi nói rõ trong Đại cáo bình Ngô: “Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho 500 chiếc thuyền, ra đến bến còn chưa thôi trống ngực, Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu còn đổ mồ hôi. Chúng đã sợ chết mà thực bụng cầu hoà, ta chót giữ toàn quân để dân yên nghỉ”<sup>5</sup>.

Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm, người Việt Nam luôn kiên quyết đứng lên đấu tranh để bảo vệ lãnh thổ. Chiến tranh, đó là phương án cuối cùng, còn trước đó, người Việt luôn tìm mọi cách thuyết phục, thương lượng để tránh chiến tranh xảy ra. Cuộc chiến chống thực dân Pháp cũng không ngoại lệ. Ngay từ ngày 2 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp nổ súng vào cuộc mít tinh mừng độc lập ở Sài Gòn. Đêm 22 rạng ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp chiếm trụ sở Ủy ban hành chính Nam Bộ. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm mọi cơ hội có thể để ngăn chặn chiến tranh xảy ra. Chính phủ đã tìm mọi cách để thương lượng và chấp nhận thiệt thòi về mình. Ngày 6 tháng 3 năm 1946, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ký với Pháp Hiệp định sơ bộ Pháp - Việt 1946, cho phép quân đội Pháp ra Bắc thay thế quân Trung Hoa ở miền Bắc. Hiệp định Sơ bộ ấn định lực lượng Pháp sau khi trở ra Bắc, phải rút hết quân sau một thời gian không quá 5 năm. Nước Pháp phải công nhận Việt Nam dân chủ cộng hòa, là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viên, quân đội, tài chính riêng và là một thành viên trong Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp. Trong thời gian hòa hoãn, mặc dù chúng ta rất thiện chí để đi đến một hiệp định chính thức, nhưng thực dân Pháp vẫn tìm cách gây hấn. Như vậy, chúng ta đã thực hiện sách lược “hòa để tiến”, “hy sinh không gian để tranh thủ thời gian, biến thời gian thành lực lượng để đối phó với thù trong giặc ngoài”<sup>6</sup>.

Trong những ngày sát cánh cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh, trước vận mệnh dân tộc “ngàn cân treo sợi tóc”, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã cùng với Chính phủ và các đồng chí của mình làm hết sức mình để cứu vãn hòa bình. Được Bác Hồ giao nhiệm vụ làm Phó Trưởng đoàn đàm phán tại Hội nghị trù bị Việt – Pháp tại Đà Lạt vào trung tuần tháng 4 năm 1946 với Đácgiăngliơ, đại diện chính phủ Pháp, ông đã đem hết sức lực và trí tuệ tìm cách cho Hội nghị có kết quả, nhưng đã không thành. Sau này ông viết: “Khi ra về, tôi cảm thấy chiến tranh là khó tránh. Người Pháp cũng không che đậy ý đồ của mình là nhất định

---

<sup>4</sup>Dẫn theo Trần Ngọc Thêm, 2005, Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam, trang 545.

<sup>5</sup>Nguyễn Trãi, Bình Ngô Đại Cáo.

<sup>6</sup> Nguyễn Phúc Luân (2004), Ngoại giao Việt Nam từ Việt Bắc đến Hiệp định Geneva, NXB CAND, HN, tr. 43.

lập lại quyền thống trị ở Đông Dương... Chúng ta không còn cách nào khác là gấp rút xây dựng lực lượng chuẩn bị kháng chiến”.<sup>7</sup>

Tình hình đã lặp lại ở Hội nghị Phôngtenoblô, ngày 14 tháng 9 năm 1946, Hồ Chủ tịch lại thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục ký với Pháp Tạm ước Việt - Pháp. Trong bản Tạm ước này, hai bên Việt Nam và Pháp cùng bảo đảm với nhau về quyền tự do của kiều dân, chế độ tài sản, thống nhất về các hoạt động của các trường học Pháp, sử dụng đồng bạc Đông Dương làm tiền tệ, thống nhất thuế quan và tái lập cải thiện giao thông liên lạc của Liên bang Đông Dương, cũng như việc thành lập Ủy ban tạm thời giải quyết vấn đề ngoại giao của Việt Nam. Chính phủ Việt Nam cam kết ưu tiên dùng người Pháp làm cố vấn hoặc chuyên môn. Hai bên đồng ý chấm dứt mọi hành động xung đột, vũ lực cũng như tuyên truyền chống đối nhau, phóng thích tù nhân chính trị, bảo đảm không truy bức người của bên kia, và hợp tác để những kiều dân hai bên không làm hại nhau. Tạm ước cam kết sẽ có một nhân vật do Việt Nam chỉ định và Chính phủ Pháp công nhận được uỷ nhiệm để xếp đặt, cộng tác thi hành những điều thoả thuận này. Cuối cùng, Chính phủ hai bên sẽ sớm tiếp tục đàm phán để tìm cách ký kết những bản thoả thuận riêng nhằm dọn đường cho một hiệp ước chung dứt khoát.

Hiệp định sơ bộ 6 - 3 và Tạm ước Việt - Pháp 14 - 9 vừa được ký kết một thời gian đã bị Pháp lật lọng, quân Pháp tấn công các phòng tuyến của ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, chiếm đóng Hải Phòng và Lạng Sơn. Thực dân Pháp đã trắng trợn phá hoại các hiệp định làm cho các cuộc đàm phán ngoại giao giữa Việt Nam và Pháp không đạt kết quả. Thực dân Pháp chính thức thực hiện dã tâm chiếm nước ta một lần nữa.

Tiếp nối truyền thống văn hoá của dân tộc, chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà vẫn kiên trì tìm cách duy trì hoà bình, tránh chiến tranh. Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố rõ lập trường của Việt Nam khi trả lời với báo Paris - Sài Gòn: “Đồng bào tôi và tôi thực sự muốn hoà bình... Chúng tôi không muốn chiến tranh... Nước Việt Nam cần kiến thiết, nước Việt Nam không muốn là nơi chôn vùi hàng bao sinh mạng. Nhưng cuộc chiến tranh ấy, nếu người ta buộc chúng tôi phải làm thì chúng tôi sẽ làm... Nước Pháp có những phương tiện ghê gớm và cuộc chiến đấu sẽ khốc hại, nhưng dân tộc Việt Nam đã sẵn sàng chịu đựng tất cả, chứ không chịu mất tự do. Dù sao, tôi mong rằng chúng ta sẽ không đi tới cách giải quyết ấy”<sup>8</sup>.

---

<sup>7</sup> Võ Nguyên Giáp (1995), Chiến đấu trong vòng vây, NXB QĐND – TN, HN, tr. 24.

<sup>8</sup> Lê Mậu Hãn, (1997), Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập III, trang 46 - 47.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn gửi thư cho các nước Anh, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên Xô và các thành viên của Liên hợp quốc nêu rõ thiện chí hoà bình và ý chí chiến đấu đến cùng để bảo vệ độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Kêu gọi và mong muốn Liên hợp quốc chấp nhận những yêu cầu chân chính của chính phủ Việt Nam. Hồ Chí Minh cũng gửi thư cho Chính phủ, Quốc hội, Thủ tướng Pháp và cử phái viên gặp gỡ với những người cầm đầu chính quyền Pháp ở Đông Dương, tìm cách cứu vãn hoà bình, tránh đổ máu. Song mọi cố gắng của Việt Nam đều vô hiệu.

Quân Pháp đã liên tiếp nổ súng vào Hà Nội trong các ngày 15, 16 tháng 12 năm 1946, và ngày 18 tháng 12 chúng đã đưa tới hậu thư bắt chúng ta giải tán lực lượng tự vệ và giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng. Ngày 19 tháng 12 năm 1946 toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã đồng lòng đáp lời Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch, anh dũng bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ chống kẻ thù xâm lược. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc”<sup>9</sup>. Toàn dân Việt Nam bước vào cuộc kháng chiến chính nghĩa để bảo vệ đất nước “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tiếng gọi của non sông đất nước, lay động trái tim, khối óc của người Việt Nam yêu nước, yêu hoà bình.

Và Võ Nguyên Giáp vốn xuất thân từ một thầy giáo dạy sử đã phải làm vai trò một vị tướng, một vị tướng vì khát khao hoà bình mà phải cầm súng. Như ông đã từng trả lời phỏng vấn trên tờ L’Humanité do nhà báo Dominique Bari thực hiện năm 2004 về chiến lược trong chiến tranh của ông: “Chiến lược của tôi là hoà bình, tôi là một vị tướng của hoà bình, không phải của chiến tranh”<sup>10</sup>.

2. Việt Nam là một nước văn hoá nông nghiệp với nghề trồng lúa nước, con người sống phụ thuộc vào thời tiết và tự nhiên. Văn hóa lúa nước là đặc trưng điển hình của văn hóa sản xuất vật chất ở Việt Nam, đã tạo nên lối sống ổn định, quần cư theo làng của người Việt. Từ đó, hình thành nên nếp sống trọng tình cảm không chỉ với tự nhiên, mà với xã hội, với bản thân. Nếp sống hiếu hòa được thể hiện qua cách sống hòa thuận, trọng tình cảm trong gia đình, láng giềng,... đến hòa hiếu, vị tha với giặc ngoại xâm. Người Việt luôn lấy tình cảm làm nguyên tắc ứng xử trong mọi hoạt động của mình. Điều này thể hiện rất rõ trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của Việt Nam trong đó có cuộc chiến chống thực dân Pháp.

---

<sup>9</sup> Hồ Chí Minh, 1980, Tuyển tập, tập I, trang 404.

<sup>10</sup><http://www.tienphong.vn/the-gioi/tuong-giap-voi-dang-tieu-binh-mcnamara-va-brezjinski-649293.tpo>

Văn hoá trọng tình, vị tha của dân tộc thể hiện rõ nét ở người Tổng tư lệnh tối cao của cuộc kháng chiến - Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ông vốn là một thầy giáo dạy sử. Ông từng nói rằng: “Nếu không có chiến tranh, chắc tôi vẫn làm nghề thầy giáo”. Nhưng do chiến tranh, ông phải ra đi cứu nước và ông trở thành một trong những người chỉ huy quân sự kiệt xuất nhất trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của Việt Nam. Năm 1939, Võ Nguyên Giáp nhận dạy môn lịch sử tại Trường Tư thục Thăng Long, Hà Nội do ông Hoàng Minh Giám làm giám đốc nhà trường. Học sinh của ông kể rằng: Ông có thể vẽ lên bảng đen sơ đồ từng trận đánh của Napoléon, ông sôi nổi kể về Công xã Paris, về cái chết của những nhà Cách mạng như Danton và Robespierre, "ông không chỉ là nhà sử học đơn thuần, ông còn là một trạng sư say mê, luôn bênh vực tính chính nghĩa của lịch sử"<sup>11</sup>.

Nếu không có chiến tranh, ông chỉ muốn mình là một thầy giáo dạy sử, đóng góp cho ngành giáo dục và diu dắt các thế hệ học sinh qua những hình ảnh sinh động của lịch sử. Mong muốn giản dị của vị Đại tướng của nhân dân cũng đã thể hiện rõ truyền thống yêu hoà bình và vị tha của văn hoá dân tộc đã ảnh hưởng và chi phối đến mong muốn bình dị nhất của ông.

Là người kế thừa sâu sắc truyền thống văn hóa của dân tộc, đối mặt với những quy luật nghiệt ngã, tàn khốc của chiến tranh trong chiến dịch Điện Biên Phủ, nhưng Đại tướng luôn thể hiện lòng nhân đạo và vị tha với kẻ thù. Khi chiến dịch Điện Biên Phủ đang diễn ra ác liệt những binh lính bị thương và tù binh Pháp vẫn được quân ta, dưới sự chỉ huy của Đại tướng đối xử một cách nhân đạo.

Ngay sau khi quân ta tiêu diệt cứ điểm Him Lam, theo đề nghị của đồng chí Lê Trọng Tấn, Đại tướng đã cho phép quân Pháp được ra lấy xác và cấp cứu cho thương binh. Một viên sĩ quan Pháp bị thương đã được quay về Mường Thanh cầm thư của Bộ chỉ huy đại đoàn 312 thông báo với Đờ cát cho phép quân Pháp thu lượm xác chết và thương binh. 9 giờ ngày 14 tháng 3 năm 1954, một chiếc xe jeep cắm cờ trắng có dấu chữ thập đỏ cùng với một xe vận tải và một xe cứu thương chở viên đại úy, bác sỹ Lơ Đamani, hai cha tuyên úy và 12 lính lê dương để chở thương binh và xác chết<sup>12</sup>.

Trưa ngày 15 tháng 3, Đại úy Clácsăm chỉ huy các cứ điểm trên đồi Bản Kéo, nhận được một lá thư của quân ta tại cứ điểm Gaborien do một lính Angiêri bị thương đưa tới hẹn 7 giờ sáng ngày hôm sau cử người đến bãi ruộng bên bờ suối phía đông để nhận thương binh của tiểu đoàn 5 Angiêri. “Ngày 16 tháng 3, một viên trung úy và một số binh lính Thái có mặt đứng giờ tại địa điểm với những chiếc cáng thương. Binh sỹ tiểu đoàn 5 đã được

---

<sup>11</sup> Chiến thắng bằng mọi giá, NXB Thế giới, trang 70,71.

<sup>12</sup> Võ Nguyên Giáp (2000), Điện Biên Phủ điểm hẹn lịch sử, NXB QĐND, HN, tr. 228.

băng bó cẩn thận, đang nằm chờ. Khi chia tay với người chiến thắng, một số lính Angiêri bỗng hô to: Hồ Chí Minh muôn năm ! Cảm ơn các bạn!”<sup>13</sup>.

Với tù binh Pháp, bộ đội Việt Nam cũng đối đãi tù binh theo luật quốc tế về đối xử với tù binh. Theo Howard R Simpson - phóng viên của Mỹ cũng viết trong sách của mình rằng, một số tù binh chiến tranh khi trở về cho biết "họ phải ăn uống rất kham khổ, đó là sự thật, nhưng khi nhìn lại thì thấy bộ đội Việt Nam ăn uống còn khổ hơn". Họ rất xúc động vì nước Việt Nam trong điều kiện còn thiếu thốn như thế mà vẫn chăm sóc tù binh chu đáo, đối xử với họ rất nhân đạo<sup>14</sup>.

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, quân đội Việt Nam đã ồ ạt tấn công vào trung tâm tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ta đã bắt sống tướng De Castries cùng toàn bộ tham mưu và nhiều binh lính địch trong đó có bác sỹ trưởng P.Grauwin. Khi nhóm nhân viên y tế bị dẫn giải qua cầu Mường Thanh, quân đội Việt Nam đã ra lệnh cho họ được phép quay trở lại chăm sóc thương binh của chúng. Y, bác sỹ và thương binh Pháp đã vô cùng cảm động khi được các y bác sỹ của ta cứu chữa, đối xử bình đẳng như những thương binh Việt Nam khác. Bác sỹ phẫu thuật P. Grauwin nói với tướng Giáp: “Thương binh chúng tôi còn nhiều, họ nằm rải rác ở các hầm. Các ông bắn ác liệt quá, không thể chuyển được, ùn lại khoảng 600-700 người. Toàn là thương binh nặng các hướng dồn về, còn số thương binh vừa và nhẹ nằm ở các đơn vị tôi không rõ số lượng, nhưng biết họ đang ở trong tình trạng vô cùng tồi tệ, có thuốc cũng khó cứu nổi. Phòng mổ cũng là nơi chứa thương binh. Trời mưa, hầm nào cũng bùn lầy ú đọng, thương binh phải nằm 2-3 tầng. Vệ sinh tệ hại, xin các ông giúp đỡ họ”<sup>15</sup>. Được sự đồng ý của Đại tướng – Tổng tư lệnh, ngày 21 tháng 5 năm 1954 tất cả thương binh nặng đã được lên máy bay rời Điện Biên Phủ về Hà Nội trong niềm vui sướng vô bờ. Sự khoan dung đó chính là truyền thống quý báu, là nhân cách lớn của con người và của cả dân tộc Việt Nam “Lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy trí nhân thay cường bạo”<sup>16</sup>.

Tù binh ở Điện Biên Phủ gồm nhiều quốc tịch khác nhau, trong đó có nhiều người là dân các nước thuộc địa Pháp ở Bắc Phi, Trung Phi, cả người Trung Âu... Số tù binh này được bố trí những cuộc nói chuyện, trao đổi ý kiến ở những giờ gọi là lớp học về chủ nghĩa thực dân. Một số sau khi trở về Tổ quốc đã chiến đấu chống Pháp để giành lại độc lập cho quê hương.

---

<sup>13</sup> Sách đã dẫn, tr. 237.

<sup>14</sup>[http://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn\\_d%E1%BB%8Bch\\_%C4%90i%E1%BB%87n\\_Bi%C3%AAAn\\_Ph%E1%BB%A7](http://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_d%E1%BB%8Bch_%C4%90i%E1%BB%87n_Bi%C3%AAAn_Ph%E1%BB%A7)

<sup>15</sup> Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử, chương 13: Đợt tiến công cuối cùng.

<sup>16</sup> Nguyễn Trãi, Bình Ngô Đại cáo.

Qua cuộc kháng chiến chống Pháp, nhất là trong chiến dịch Điện Biên Phủ, người Phương Tây nhận xét rằng ngoài Việt Nam ra, không thấy nước nào có chính sách tù binh mang tinh thần độ lượng và nhân nghĩa độc đáo như vậy. Ngay khi đang tiến hành chiến tranh đã dám thả về đồn địch hàng trăm tù binh mạnh khoẻ sau khi đã giải thích và giáo dục. Và, nói chung, không gặp sự phản bội.<sup>17</sup> Hơn thế, tù binh được thả về trở thành những lực lượng tuyên truyền chống chiến tranh rất tích cực. GS. Phan Ngọc kể về thắc mắc của một bạn người Đức: “Tại sao người Việt Nam chỉ đánh kẻ thù khi kẻ thù cầm súng bắn vào họ, còn khi kẻ thù đã buông vũ khí thì họ đối xử hết sức thân mật như một người bạn”<sup>18</sup>. Đặc điểm này xuất phát từ việc kế thừa truyền thống trọng tình, hòa hiếu và lòng khoan dung của dân tộc Việt Nam<sup>19</sup>.

Như vậy, chiến thắng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ là chiến thắng của nền văn hóa yêu chuộng hòa bình, nhân ái, vị tha của dân tộc Việt Nam. Một dân tộc luôn mang trong mình khát vọng hòa bình vì dân tộc và nhân loại, luôn đấu tranh cho chính nghĩa thì dân tộc đó nhất định sẽ chiến thắng. Người có công lớn làm nên những chiến thắng Điện Biên chính là Đại tướng – Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Chính truyền thống văn hóa dân tộc đã tạo nên con người ông, làm cho ông trở thành biểu tượng của hòa bình, lòng nhân ái và vị tha của người Việt Nam, và cũng chính ông đã phát huy và làm rạng rỡ thêm truyền thống văn hóa đó trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Gia Đức (2003), *Điện Biên Phủ - Mốc vàng thời đại*, NXB QĐND, Hà Nội.
2. Võ Nguyên Giáp (1995), *Chiến đấu trong vòng vây*, NXB QĐND, HN.
3. Võ Nguyên Giáp, *Điện Biên Phủ Điểm hẹn lịch sử*, NXB QĐND, HN.
4. Lê Mậu Hãn (Chủ biên), (1997), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập III, NXB Giáo Dục, HN.

---

<sup>17</sup> Nguyễn Hữu Ngọc, 1983, Người nước ngoài nghĩ gì về Việt Nam, trang 189.

<sup>18</sup> Phan Ngọc, 1996, Bề dày văn hoá của Việt Nam với Pháp, trang 38.

<sup>19</sup> Dẫn theo Trần Ngọc Thêm, 2005, Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam, trang 546.

5. Hoàng Xuân Hãn (1995), *Lý Thường Kiệt* (in lần đầu năm 1950), NXB Văn học, Hà Nội.
6. Trần Trọng Kim, 1973, *Việt Nam sử lược*, tập I, II, Trung tâm học liệu BGD, Sài Gòn.
7. Hồ Chí Minh, 1980, *Tuyển tập*, tập I, II, NXB Sự thật, Hà Nội.
8. Nguyễn Hữu Ngọc, 1983, *Người nước ngoài nghĩ gì về Việt Nam*, trong *Về giá trị tinh thần Việt Nam*, tập II, NXB Thông tin lý luận, Hà Nội.
9. Phan Ngọc, 1996, *Bề dày văn hoá của Việt Nam với Pháp*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4, trang 24 -43.
10. Nguyễn Khắc Thuần, 1993, *Thế Thứ các triều vua Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
11. Tô Nguyễn, Trịnh Nguyễn, 1981, *Kinh Bắc, Hà Bắc*, NXB Văn hoá. Hà Nội.
12. Trần Ngọc Thêm, 1994, *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, HN.
13. Trần Ngọc Thêm, 2001, *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Trần Quốc Vượng, 1996, *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
15. <http://vietbao.vn/Xa-hoi/Tuong-Phap-Tu-binh-o-Dien-Bien-Phu-khong-bi-doi-xu-tho-bao/45110845/157/>
16. [http://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn\\_d%E1%BB%8Bch\\_%C4%90i\\_%E1%BB%87n\\_Bi%C3%AA\\_n\\_Ph%E1%BB%A7](http://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_d%E1%BB%8Bch_%C4%90i_%E1%BB%87n_Bi%C3%AA_n_Ph%E1%BB%A7)
17. <http://vnexpress.net/vo-nguyen-giap/>



